

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



LY TU TRONG
COLLEGE

TÀI LIỆU HỌC TẬP

Học Phần GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
(HỆ TRUNG CẤP)

HỌ VÀ TÊN :.....

LỚP :.....

LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2019

MỤC LỤC

STT	Tên bài	Tổng số tiết của bài	TRANG
1	Bài mở đầu	1	3
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	4	4
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	11
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	17
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	24
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	36
7	Kiểm tra	2	
	Tổng cộng	30	

BÀI MỞ ĐẦU

1. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc các môn học chung trong chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện chương trình góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu của môn học

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Nội dung chính

Nội dung môn học Giáo dục chính trị là nghiên cứu sự hình thành và những nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; con đường và phương pháp để thực hiện các nội dung đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; những kiến thức cơ bản để giáo dục học sinh sinh viên trở thành người công dân tốt, người lao động tốt cho xã hội. Giáo dục chính trị là môn học bao gồm nội dung cơ bản nhất của: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế - chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Trong quá trình học tập môn giáo dục chính trị, có thể tổ chức cho học sinh sinh viên thảo luận, xem băng hình, phim tư liệu lịch sử, chuyên đề thời sự hoặc tổ chức đi tham quan, nghiên cứu các điển hình sản xuất công nghiệp, bảo tàng các di tích văn hóa lịch sử ở địa phương.

Yêu cầu cụ thể đối với người dạy và học sinh sinh viên khi nghiên cứu môn học phải chú ý sử dụng kiến thức cơ bản từ các môn học khác và nắm bắt hoạt động thực tiễn của đất nước, của địa phương của trường đào tạo mình, của ngành nghề tương lai của mình, của doanh

nghiệp mình sẽ làm việc để liên hệ vận dụng và giải quyết công việc trong quá trình học tập và công tác.

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành

Chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ thống các quan điểm và học thuyết khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng, được V. I. Lênin bảo vệ và phát triển; hình thành và phát triển trên cơ sở tổng kết thực tiễn và kế thừa những giá trị tư tưởng của nhân loại; là thế giới quan, phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi chế độ áp bức, bóc lột tiến tới giải phóng con người.

Chủ nghĩa Mác – Lênin được cấu thành từ ba bộ phận cơ bản có mối quan hệ mật thiết với nhau, đó là: *Triết học Mác – Lênin*, *Kinh tế chính trị Mác – Lênin* và *Chủ nghĩa xã hội khoa học*.

- *Triết học Mác – Lênin* (bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- *Kinh tế chính trị Mác – Lênin* là khoa học nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; những quy luật kinh tế chủ yếu hình thành, phát triển và đưa chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong; những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

- *Chủ nghĩa xã hội khoa học* nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng để giai cấp vô sản và nhân dân lao động thực hiện xây dựng xã hội mới.

Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin có đối tượng nghiên cứu cụ thể khác nhau nhưng đều nằm trong hệ thống lý luận khoa học thống nhất – đó là khoa học cụ thể về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột, tiến tới giải phóng con người.

2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.1. Triết học Mác – Lênin

Triết học Mác là trường phái triết học duy vật biện chứng, ra đời vào những năm 40 của thế kỉ XIX, Trong Triết học Mác - Lênin, các quan điểm duy vật về tự nhiên, xã hội và tư duy, các nguyên lý, quy luật, phạm trù của chủ nghĩa duy vật biện chứng gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau thành một hệ thống lý luận thống nhất với những nội dung cơ bản gồm:

- *Chủ nghĩa duy vật biện chứng:*

+ Vật chất và ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức

Chủ nghĩa Mác- Lênin quan điểm bản chất thế giới là vật chất

Định nghĩa vật chất của Lênin: vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của con người chép lại, chụp lại, phản ánh và nó tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

Phương thức tồn tại của vật chất là vận động (có 5 hình thức vận động), vật chất vận động trong không gian và thời gian.

Ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào trong bộ não người một cách năng động, sáng tạo.

Giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng, trong mối quan hệ này thì vật chất có trước vật chất sinh ra và quyết định ý thức, song ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người; vì vậy, con người phải tôn trọng khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan của mình.

+ *Phép biện chứng duy vật:*

Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến chỉ ra rằng: các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau.

Nguyên lý về sự phát triển chỉ ra rằng: phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật, phát triển là khuynh hướng chung của thế giới, phát triển diễn ra theo hình xoáy ốc.

Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật bao gồm: quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập; quy luật chuyển hoá từ những biến đổi về lượng thành những sự biến đổi về chất và ngược lại; quy luật phủ định của phủ định

Lý luận nhận thức: Nhận thức là một quá trình phản ánh tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn, nhằm sáng tạo ra những tri thức về thế giới khách quan. *Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan*". Cơ sở, động lực và mục đích của toàn bộ quá trình này là thực tiễn. Thực tiễn cũng đồng thời là tiêu chuẩn của chân lý.

- *Chủ nghĩa duy vật lịch sử:* Theo quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, Phương thức sản xuất quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội chứ không phải do ý muốn chủ quan. những quy luật khách quan quyết định. Đó là, quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chỉ rõ vai trò của quần chúng nhân dân trong sự phát triển của lịch sử, quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử và là lực lượng quyết định sự

phát triển của lịch sử, do đó lịch sử trước hết là lịch sử của quần chúng nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Quan niệm đó đã dẫn đến chỗ khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại trong cuộc đấu tranh giải phóng loài người, xây dựng xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2.2.1. Học thuyết giá trị

- **Hàng hóa**

- Khái niệm: Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán

- Hai thuộc tính của hàng hóa:

Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu của con người.

Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

- **Quy luật giá trị**

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của nền sản xuất hàng hoá. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị. Sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết.

Ý nghĩa của học thuyết

Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của sự phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

2.2.2. Học thuyết giá trị thặng dư

- **Hàng hóa sức lao động**

- Khái niệm: Sức lao động là năng lực lao động của con người. Nó gồm thể lực, trí lực, kỹ năng của người lao động và được sử dụng trong quá trình lao động.

- Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

Sức lao động chỉ trở thành hàng hoá khi người lao động tự do về thân thể có quyền bán sức lao động của mình và khi họ bị tước đoạt mọi tư liệu sản xuất.

- Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

Giá trị hàng hóa sức lao động: được quyết định bởi lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó.

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động nhằm thỏa mãn nhu cầu của người mua. Nó có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó chính là giá trị thặng dư.

Giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

- **Bản chất của chủ nghĩa tư bản**

Bản chất của chủ nghĩa tư bản chính là quan hệ bóc lột của tư bản đối với công nhân làm thuê nhằm chiếm đoạt giá trị thặng dư.

Mục đích của các nhà tư bản là sản xuất ngày càng nhiều giá trị thặng dư. Họ thường sử dụng hai phương pháp chủ yếu: Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

Ý nghĩa của học thuyết

- Học thuyết giá trị thặng dư đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

- Học thuyết giá trị thặng dư còn trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hoá... phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

- Học thuyết giá trị thặng dư là biểu hiện mẫu mực nghiên cứu và vận dụng quan điểm duy vật lịch sử vào sự phân tích các quá trình kinh tế trong xã hội tư bản. Nó cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3.1. Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- **Định nghĩa giai cấp công nhân** (hay còn gọi là giai cấp vô sản)

Ph. Ăngghen đã đưa ra định nghĩa: *“Giai cấp vô sản là một giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán lao động của mình, chứ không phải kiếm sống bằng lợi nhuận của bất cứ tư bản nào”*

Trong giai đoạn hiện nay, giai cấp công nhân đã có những biến đổi mới, có thể đưa ra định nghĩa giai cấp công nhân như sau:

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao; là lực lượng lao động cơ bản tiên tiến trong các quy trình công nghệ, dịch vụ công nghiệp, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản

xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại hiện nay.

- **Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân**

- *Thứ nhất, về phương thức lao động:* Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hoá cao.

- *Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa:* Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, người công nhân không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản, trở thành người làm thuê và bị bóc lột giá trị thặng dư.

- **Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Giành lấy chính quyền, xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, tổ chức xây dựng chế độ xã hội mới với chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

2.3.2. Về xã hội Xã hội chủ nghĩa

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp ở trình độ cao, tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn năng suất lao động trong xã hội tư bản.

- Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; không còn chế độ người bóc lột người. Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tự giác, tự nguyện.

- Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội ngày càng tăng, là xã hội dân chủ, Nhà nước có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, phát triển toàn diện.

2.3.3. Về xã hội Cộng sản chủ nghĩa

- Lực lượng sản xuất phát triển rất cao, của cải xã hội trở nên dồi dào, khoa học phát triển, lao động trở thành nhu cầu của con người được giảm nhẹ, “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Con người có đầy đủ các điều kiện phát triển năng lực toàn diện.

- Trình độ xã hội ngày càng phát triển, không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Dân chủ phát triển ở mức độ cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ hoàn toàn mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, nó tự tiêu vong.

3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

3.1. Vai trò của chủ nghĩa Mác- Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin gồm ba bộ phận Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Mỗi bộ phận đóng vai trò khác nhau trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội con người.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết mang bản chất khoa học và cách mạng, có giá trị to lớn và bền vững.

Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, là chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc xem xét giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy con người. Triết học Mác - Lênin có khả năng nhận thức đúng đắn giới tự nhiên cũng như đời sống xã hội và tư duy con người.

Triết học Mác - Lênin không chỉ là lý luận về phương pháp giải thích thế giới mà còn là lý luận về phương pháp biến đổi và cải tạo thế giới. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận, là vũ khí lý luận sắc bén giúp giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng thành công xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin đóng vai trò là chìa khoá để nhận thức lịch sử phát triển của sản xuất vật chất nói chung, giải thích các hiện tượng, các quá trình kinh tế đang diễn ra trong thực tiễn, phân tích nguyên nhân, dự báo triển vọng, chiều hướng phát triển kinh tế xã hội, là cơ sở khoa học để nhận thức, đề ra và thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đóng vai trò phát hiện và luận giải về quá trình tất yếu dẫn đến sự hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, để thực hiện mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi ách áp bức bóc lột, giải phóng xã hội, tiến tới giải phóng con người. Theo Lênin chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học thể hiện tập trung nhất hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, trang bị, rèn luyện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động bản lĩnh chính trị vững vàng, tư tưởng và lập trường cách mạng trong đấu tranh giành chính quyền và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh có hiệu quả các lực lượng, các hệ tư tưởng thù địch của các thế lực phản động chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp tục là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng nước ta

Chủ nghĩa Mác - Lênin - kết quả của sự kế thừa tinh hoa trí tuệ của nhân loại.

Chủ nghĩa Mác - Lênin - kết quả của sự tổng kết lịch sử, thực tiễn phát triển của xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ thống lý luận hoàn chỉnh, chặt chẽ.

Chủ nghĩa Mác - Lênin - sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan và phương pháp luận.

Chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết mở không ngừng đổi mới, phát triển.

Trước tình hình thế giới có nhiều biến động sâu sắc. Bảo vệ, đổi mới và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là yêu cầu khách quan, bắt nguồn từ bản chất cách mạng và khoa học của

học thuyết. Đảng cộng sản Việt Nam với tinh thần độc lập, tự chủ, vận dụng sáng tạo, bổ sung và làm phong phú lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin trong điều kiện cụ thể của đất nước.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm về chủ nghĩa Mác – Lê nin và ba bộ phận cấu thành của nó?
2. Trình bày những nội dung cơ bản của triết học Mác – Lê nin.
3. Nêu hai thuộc tính của hàng hóa và cho ví dụ minh họa.
4. Nêu những đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân và liên hệ với thực trạng đời sống của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?
5. Hãy nêu vai trò của chủ nghĩa Mác – Lê nin trong nhận thức và thực tiễn đời sống con người?

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1. Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người

Mục tiêu lớn nhất cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là giành độc lập, tự do cho đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, Người nói: “*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn*”¹. Chính vì mục tiêu cao cả đó, Người đi tìm đường cứu nước và đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam, đến với chủ nghĩa Mác – Lênin và đi theo con đường cách mạng vô sản là con đường đúng đắn nhất để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, đem lại quyền làm chủ thật sự cho nhân dân lao động Việt Nam.

2.2. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Trong quá trình tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc, Người đã chỉ ra rằng: “Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không chỉ để giải phóng dân tộc, mà còn giữ vững được độc lập, tự do, hạnh phúc, ấm no cho nhân dân.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, được thống nhất trong cả lý luận và hoạt động thực tiễn, phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng của Người

2.3. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

Để thay thế chế độ thực dân phong kiến tàn bạo, phản nhân tính, Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam, đó là Nhà nước dân chủ cộng hòa, một nhà

¹Trần Dân Tiên: Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Chính trị quốc gia Hà nội, 1994, tr.44.

nước đại biểu quyền lợi “cho số đông người”, thể hiện tính chất nhân dân, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Hồ Chí Minh đã khẳng định nước ta: là nước dân chủ, tất cả quyền hạn đều của dân; là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Dân chủ theo Hồ Chí Minh được hiểu là dân là chủ và dân làm chủ,

2.4. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

Hồ Chí Minh coi vấn đề đoàn kết có tầm quan trọng đặc biệt. Người cho rằng đoàn kết rộng rãi lực lượng toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là sức mạnh vô địch và vô tận làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đoàn kết tạo ra sức mạnh to lớn để có thể thắng được mọi kẻ thù hung ác nhất

Người quan điểm: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”; Đoàn kết là mục tiêu là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng và của dân tộc, là vấn đề có tính chiến lược.

- Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, bao gồm tất cả các giai cấp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, cá nhân yêu nước. Đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở tương đồng về lợi ích; Phải kế thừa truyền thống yêu nước- nhân nghĩa- đoàn kết của dân tộc; Phải khoan dung độ lượng với con người; phải có niềm tin vào nhân dân.

- Đại đoàn kết dân tộc được tổ chức trong mặt trận dân tộc thống nhất. Đảng Cộng Sản vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận, phải đoàn kết toàn đảng để làm nòng cốt đoàn kết trong mặt trận.

2.5. Tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Nét nổi bật trong tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quốc phòng, an ninh là: phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng; phải dựa vào dân, phát huy sức mạnh của toàn dân để tiến hành giữ nước và dựng nước; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; thực hành chiến tranh nhân dân; thực hiện cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; xây dựng nghệ thuật quân sự độc đáo.

2.6. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Hồ Chí Minh suốt đời phấn đấu cho độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, chính vì vậy Người đề cao việc phải lấy phát triển kinh tế và văn hóa, từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*²”.

²Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.511

2.7. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chăm lo giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên và mọi người dân về phẩm chất đạo đức cách mạng.

Về vai trò của đạo đức Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là cái gốc của người cách mạng, là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người. Đạo đức là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới lãnh đạo được nhân dân, hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Người luôn đặt đạo đức cạnh tài năng, đức gắn với tài, đức và tài thống nhất với nhau là một, trong đó đức là gốc của tài còn tài là thể hiện cụ thể của đức trong hiệu quả hành động.

- Chuẩn mực đạo đức của người cách mạng:

+ *Trung với nước, hiếu với dân*: Trung với nước là suốt đời đấu tranh cho cách mạng, ra sức làm việc, giữ vững kỉ luật thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước. Hiếu với dân thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng.

+ *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*: Cần: tức là lao động cần cù, siêng năng, có kế hoạch, có tinh thần lao động sáng tạo, giữ kỷ luật, năng suất cao, có trách nhiệm và luôn tự lực cánh sinh; Kiệm: tức là tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, tiết kiệm sức lao động, thời gian, tiền của dân, của nước, của tập thể, của mình. Tiết kiệm là chi tiêu hợp lý; Liêm: tức là luôn luôn tôn trọng và bảo vệ của công và của dân, không xâm phạm đồng xu, hạt thóc của nước, của dân trong mọi hoàn cảnh; Chính: tức là thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Chính là cái tâm thẳng thắn đối với người, với việc, không tự cao, tự đại, luôn thật thà, tự kiểm điểm mình; Chí công vô tư là luôn công bằng, công tâm, không thiên tư thiên vị, nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân

+ *Yêu thương con người*: là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất, vì người cách mạng có yêu thương nhân dân mới sẵn sàng làm cách mạng. Tình yêu thương đó là một tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da sắc tộc.

+ *Tinh thần quốc tế trong sáng*: Phẩm chất này bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc. Chủ nghĩa quốc tế đó là sự tôn trọng, hiểu biết, yêu thương và đoàn kết với giai cấp vô sản, với tất cả các dân tộc và nhân dân toàn thế giới, với những người tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để rèn luyện đạo đức của mỗi người đó là: Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức; Xây đi đôi với chống; Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

2.8. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, chăm lo đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau - Thế hệ trẻ. Người luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò của thanh niên đối với vận mệnh đất nước, thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên: “*tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội*”³. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thế hệ đi trước phải quán triệt sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên, đồng thời, Người cũng chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ là noi gương những người đi trước, tự mình phấn đấu học tập và rèn luyện để có tri thức, có ý chí, nghị lực và tinh thần cách mạng.

2. 9. Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân

- Người khẳng định cách mạng Việt Nam muốn thành công trước hết phải có Đảng cách mệnh, việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là yêu cầu cực kỳ quan trọng, phải xây dựng Đảng thực sự trở thành một khối thống nhất về nhận thức và tư tưởng, làm cơ sở cho sự thống nhất về hành động, đủ sức chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi.

- Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu đối với xây dựng Đảng:

Một là, xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận, Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động

Hai là, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng: tập trung, dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tự phê bình và phê bình; kỷ luật nghiêm minh, tự giác; đoàn kết, thống nhất trong Đảng

Ba là, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân

Bốn là, quan tâm xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài, vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân

Năm là, thường xuyên chỉnh đốn và đổi mới Đảng

3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn kết chặt chẽ với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này cho tới thắng lợi khác. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

³Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội, 2000 t.4, tr.167

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung vào những vấn đề cốt lõi đó là:

- Kiên định mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
- Kiên định đường lối độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Xuất phát từ vai trò to lớn và quan trọng của đạo đức
- Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức mẫu mực, sáng người, tiêu biểu nhất cho truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam
- Thực trạng đạo đức hiện nay đòi hỏi “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”
- Thực hiện quan điểm của Đảng với cuộc vận động “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”
- Học sinh trung cấp học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tu dưỡng và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt là nghĩa vụ và trách nhiệm.

4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.2.1. Phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh

- Suốt đời vì dân, vì nước “trung với nước, hiếu với dân.
- Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích.
- Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân.
- Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người.
- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn.

4.2.2. Phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

- Về phong cách tư duy, bao gồm phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại; phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách tư duy hài hoà, uyển chuyển, có lý có tình.
- Về phong cách làm việc, bao gồm phong cách làm việc khoa học; phong cách làm việc có kế hoạch; phong cách làm việc đúng giờ; phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn.

- Về phong cách lãnh đạo, thể hiện qua việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”.

- Về phong cách diễn đạt, được thể hiện qua cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao.

- Về phong cách ứng xử, được thể hiện qua việc khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp; chân tình, nồng hậu, tự nhiên; linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã, xoá nhoà mọi khoảng cách. . .

- Về phong cách sinh hoạt, bao gồm phong cách sống cần kiệm, liêm chính; phong cách sống hài hoà, nhuần nhuyễn giữa văn hoá Đông – Tây, nhưng luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về văn hoá Việt Nam; tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên

4.2.3. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã nhấn mạnh: “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Nghị quyết chỉ ra rằng:

+ Đây là việc làm tất yếu và cần thiết đối với mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, quần chúng.

+ Việc học tập phải được tiến hành tập trung, thống nhất từ trên xuống, vừa có tính kế hoạch nhưng cũng bảo đảm tính sáng tạo. Những giải pháp đưa ra phải sát và phù hợp với mỗi cơ quan đơn vị và thực lực của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

+ Đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

+ Đẩy mạnh tính tự giác học tập và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên, quần chúng;

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh? Làm rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam?

2. Phân tích một số nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh? Liên hệ thực tiễn cách mạng hiện nay?

3. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh? Liên hệ bản thân?

Bài 3

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1 Bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế cho sự ra đời của Đảng

Bối cảnh quốc tế

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau do tranh giành thuộc địa, phân chia thị trường và khu vực ảnh hưởng là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914- 1918).

Trong lúc phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là khi được trang bị bởi một học thuyết cách mạng và khoa học, cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nổ ra và giành thắng lợi tại Nga năm 1917. Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười đã cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, đặc biệt là nhân dân các nước thuộc địa dẫn tới sự ra đời của hàng loạt các đảng cộng sản.

Bối cảnh trong nước

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng ký Hiệp ước Patenôt dâng nước ta cho giặc. Việt Nam từ quốc gia phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Nhân dân Việt Nam rơi vào thân phận nô lệ lầm than. Các chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (Lần I từ 1897 - 1914 và lần II từ 1919 - 1929) làm cho tình hình phân hoá giai cấp ở Việt Nam trở nên gay gắt. Nước ta tồn tại năm giai cấp và tầng lớp: địa chủ phong kiến, nông dân, tư sản, vô sản, tiểu tư sản.

Ở khắp mọi nơi, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều đứng lên đấu tranh với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp và xây dựng lại đất nước theo quan điểm lập trường của giai cấp mình:

+ *Phong trào Cần Vương (1885- 1897)*: Đứng trên lập trường của giai cấp địa chủ phong kiến, do Tôn Thất Thuyết lãnh đạo

+ *Phong trào nông dân Yên Thế (1884- 1913)*: Khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo

+ *Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản* diễn ra khá sôi nổi do ảnh hưởng của tình hình thế giới đặc biệt là cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Trung Quốc:

Đó là phong trào Đông Du do Phan Bội Châu.

Đó là phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can lãnh đạo

Đó là phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh lãnh đạo

Phong trào của Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927) do Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Thái Học lãnh đạo.

+ Phong trào yêu nước của tầng lớp tiểu tư sản: Đấu tranh đòi thả cụ Phan Chu Trinh và để tang cụ Phan Bội Châu.

Tóm lại, các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã nêu cao khí phách của toàn dân tộc nhưng đều thất bại. Nguyên nhân dẫn đến thất bại vì chưa có đường lối chính trị đúng đắn, lực lượng lãnh đạo tiến bộ chưa phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc... Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước.

1.1.2 Quá trình ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

Thấu hiểu nỗi khổ nhục của người dân mất nước, năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Người đi về phương Tây với mục tiêu: “Muốn đánh thắng kẻ thù phải hiểu rõ kẻ thù”.

Tháng 7/1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin. Người đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam là *con đường cách mạng vô sản*. Từ đây, Người tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 6/1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào cách mạng Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng (8/1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

Ba tổ chức cộng sản trên đây hoạt động phân tán, chia rẽ ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng Việt Nam lúc này. Trước tình hình đó, đầu năm 1930 Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất ba tổ chức trên để đi đến thành lập Đảng cộng sản Việt Nam tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc và ngày 3/2/1930 được xem là ngày thành lập Đảng.

1.1.3 Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước.

Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp của công nhân Việt Nam theo hệ tư tưởng Mác –Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước; từ đây cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam – Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

- Giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc

Mục đích của cách mạng giải phóng dân tộc là đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được thắng lợi này chính nhờ đường lối đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của lịch sử.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định về con đường cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Đảng của giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa nắm lấy và giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, gắn phong trào giải phóng dân tộc trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Giai đoạn bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước

Sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản là lực lượng duy nhất có thể tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân để bảo vệ thành quả cách mạng.

Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng to lớn để lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội mới vì con đường cách mạng do Đảng lãnh đạo phù hợp với thời đại và quy luật phát triển của xã hội. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.1. Thành tựu của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.1.1. Thành tựu của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động một phong trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Phong trào này đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng và sức mạnh của khối liên minh công nông. Phong trào này đã được Quốc tế Cộng sản đánh giá cao đóng góp của phong trào cách mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Sau cuộc đấu tranh đầy gian khổ và tổn thất để bảo vệ Đảng là phong trào đấu tranh những năm 1936- 1939 đã làm cho ảnh hưởng của Đảng ăn sâu, lan rộng trong quảng đại quần chúng. Đảng đã biết kết hợp các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp với các hình thức bất hợp pháp, bí mật trong cuộc đấu tranh ở một nước thuộc địa. Qua phong trào, sự giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

Từ năm 1939, khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương. Từ đó, Đảng chủ trương chuẩn bị các điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939- 1945 và nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Ngày 2- 9- 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lập nên nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Ý nghĩa lịch sử thắng lợi CMT8: Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Cách mạng Tháng Tám: đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; tăng cường lực lượng, mở rộng địa bàn cho cách mạng thế giới; chứng minh học thuyết Mác- Lênin có thể áp dụng thành công vào cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa nếu biết vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo.

2.1.2. Thành tựu của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

+ Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu người ở miền Bắc. Trên 95% dân Việt Nam mù chữ.

+ Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào với mưu đồ “diệt cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, hơn 15 vạn quân Pháp với sự giúp đỡ của liên quân Anh - Ấn lần lượt xâm lược nước ta. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của Nhà nước ta còn rất non yếu;

Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng Đảng ta đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

2.1.3. Thành tựu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946- 1954)

Bất chấp mong muốn độc lập và hòa bình của Chính phủ và nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng nhưng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng có dã tâm cướp nước ta một

lần nữa. Lịch sử đó đặt dân tộc ta trước một thử thách mới, phải đứng lên bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (5/1954).

Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

Lần đầu tiên trong lịch sử một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Đối với nước ta, thắng lợi này đã làm sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam; bảo vệ được độc lập, chủ quyền dân tộc, giữ vững được chính quyền dân chủ nhân dân; giải phóng được một nửa đất nước là miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa, hậu phương của cả nước để giải phóng miền Nam trong giai đoạn sau; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao uy tín cho dân tộc và cho Đảng trên trường quốc tế; để lại nhiều kinh nghiệm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đối với quốc tế, thắng lợi này đã buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; nhân dân Việt Nam trở thành người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đã góp phần tăng cường lực lượng và địa bàn cho chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

Sau năm 1954 đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc thì cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Đảng xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân

dân ở miền Nam giữ vị trí quan trọng, có tác dụng trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc. Bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

Thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

Đối với thế giới, thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc dân chủ của nhân dân thế giới; mở rộng địa bàn và tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Sau thắng lợi vĩ đại mùa xuân năm 1975, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh có những thuận lợi to lớn, song cũng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng.

Khó khăn: Quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất- kỹ thuật nhỏ bé, manh mún, hậu quả chiến tranh nặng nề, lại bị Mỹ phong tỏa cấm vận, tình hình quốc tế có những diễn biến bất lợi, phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới phía tây nam, phía bắc, đòi hỏi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều bước đi cụ thể thích hợp.

Thuận lợi: Đảng ta với bản lĩnh chính trị vững vàng được tôi luyện qua thử thách đấu tranh vì độc lập dân tộc vì chủ nghĩa xã hội, Đảng đã kiên trì tìm tòi đề ra đường lối đổi mới đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, giành được những thành tựu to lớn, toàn diện.

Những thành tựu to lớn của hơn 30 năm đổi mới:

+ Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển.

+ Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường.

+ Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi.

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

+ Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Tóm lại, với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi đó là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, sức mạnh to lớn của nhân dân ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích và chứng minh rằng: Con đường cứu nước của Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lựa chọn phù hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử cách mạng Việt Nam?

2. Trình bày những yếu tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời?

3. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?

4. Phân tích những thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Qua đó rút ra những truyền thống quý báu của Đảng.

5. Vì sao sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Bài 4

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.

1.1. Quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng

1.1.1. Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

- Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc).

- Giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như: Đầu tư công, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và cơ cấu lại nông nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

1.1.2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

+ Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển.

+ Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, có văn minh công nghiệp chiếm ưu thế trong sản xuất và đời sống xã hội; phát triển nhanh và bền vững phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh, bền vững và phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp

1.1.3. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- *Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam* là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đây là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đặc điểm sau:

- + Quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất;
- + Có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật;
- + Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất.

1.1.4. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

- Tiếp tục nghiên cứu, đàm phán, ký kết, chuẩn bị kỹ các điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tham gia các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, . . .

- Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật quốc tế.

1.1.5. Quản lý phát triển xã hội

- Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội.

- Trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội phải quan tâm đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững.

- Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người.

- Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngay một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới.

1.2. Quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

+ Là mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

+ Tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo. Có ý thức tôn trọng pháp luật và sự hiểu biết sâu sắc, tự hào về lịch sử, văn hóa dân tộc.

+ Đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

+ Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình.

+ Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

+ Xây dựng môi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

- Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

+ Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

+ Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

+ Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, chăm lo bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật.

- *Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản*

+ Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội.

+ Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh thiếu niên.

- *Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa.*

+ Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

+ Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa lành mạnh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam. Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội.

- *Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*

+ Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực.

+ Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc, hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

- *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.*

+ Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo.

+ Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.1.1. Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phát huy vai trò của nền kinh tế nhà nước

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là giải phóng sức sản xuất của xã hội, nhằm huy động các nguồn lực phát triển kinh tế thị trường; đồng thời tạo môi trường cạnh tranh trong nền kinh tế và đó là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Đẩy mạnh đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh.

Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài và các ngành lĩnh vực kinh tế nhất là lĩnh vực công nghệ cao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế đất nước.

2.1.2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên môi trường.

Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp sử dụng nguồn vốn của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân; phát triển nhanh hơn công nghiệp và xây dựng, dịch vụ; phát triển kinh tế vùng; phát triển kinh tế biển, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu công nghệ, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.

2.1.3. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Phải hình thành và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Cụ thể:

Tạo môi trường (pháp lý, kinh tế - xã hội) để các yếu tố của thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải

quyết tranh chấp; xây dựng và thực hiện quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, đối với bảo vệ môi trường.

Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, cả thị trường trong và ngoài nước.

2.1.4. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy sáng tạo và phát triển được coi là ưu thế nhất hiện nay.

Sự lựa chọn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta xuất phát từ nhận thức đúng đắn của Đảng ta: kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, không đối lập với chủ nghĩa xã hội, một quốc gia không có nền kinh tế thị trường chắc chắn sẽ không thể phát triển trong dài hạn, muốn xây dựng CNXH thành công dứt khoát phải phát triển kinh tế thị trường.

Trong kinh tế thị trường định hướng XHCN:

Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển.

Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả

2.1.5. Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam là mô hình “gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh”.

Thứ hai, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường để phát triển nhanh và bền vững.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách phân phối. Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

2.1.6. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là: tiếp tục đổi mới tư duy lý luận; đẩy mạnh công tác nghiên cứu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp những luận cứ khoa học, lý luận cho hoạch định, phát triển đường lối, chính sách của Đảng để thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát để điều chỉnh kịp thời sự vận hành của nền kinh tế khi cần thiết, kịp thời ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.1.7. Mở rộng kinh tế đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là tiền đề, điều kiện quan trọng để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực bên ngoài như: vốn, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tổ chức vận hành nền kinh tế thị trường hiện đại.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển lợi thế quốc gia trong kinh tế đối ngoại thích nghi với sự thay đổi xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

Tìm kiếm và mở rộng các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác lớn.

2.1.8. Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

Phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư.

Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng, phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo, tâm huyết của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

Thực hiện đoàn kết tôn giáo, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Vĩ lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật; những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”*.

2.2.1. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, con người Việt Nam phát triển toàn diện là xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh; khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam; ngăn chặn sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức; phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; giảm sự chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa giữa các giai tầng, các nhóm xã hội.

Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hoá.

Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2.2. Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Phát triển nền văn hóa dân tộc là phải bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là các giá trị văn hóa truyền thống và cách mạng. Mở rộng giao lưu với bên ngoài phải có sự cân nhắc, lựa chọn để tiếp thu những yếu tố nhân văn, tiến bộ, phù hợp với điều kiện lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, phù hợp với nền tảng tinh thần của chế độ XHCN.

Bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc là bảo vệ và phát huy những giá trị, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc là bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại.

Bảo vệ bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ. Cần có cơ chế, chính sách để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc phải gắn liền với mở rộng giao lưu quốc tế. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

2.2.3. Tăng cường sáng tạo, truyền bá, phổ biến những giá trị văn hóa thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ khoa học và cách mạng; làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vào mỗi gia đình và mỗi con người, trở thành tâm lý và tập quán tiến bộ, văn minh.

Khai thác mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo văn hóa của đội ngũ trí thức và nhân dân để phát triển văn hóa.

Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa.

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, phát huy tinh thần trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương và của nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, an ninh văn hóa.

2.2.4. Đấu tranh có hiệu quả chống các quan điểm, tư tưởng, sản phẩm văn hóa lạc hậu, độc hại, sai trái; sự phá hoại về tư tưởng - văn hóa của các thế lực thù địch; đề ra những giải pháp hữu hiệu để khắc phục những hạn chế, yếu kém nghiêm trọng, kéo dài trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội.

Trong phát triển văn hóa, con người toàn diện và bền vững, chúng ta lấy “xây” làm chính, nhằm sáng tạo, vun đắp nên những giá trị văn hóa, con người mới, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đồng thời “xây” phải đi đôi với “chống” những tư tưởng, hành vi, sản phẩm văn hóa lệch lạc, sai trái, lạc hậu, phản động.

Cần đẩy mạnh đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn; chống các quan điểm, hành vi sai trái, lạc hậu, tiêu cực, phản động; “chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm”. . .

2.2.5. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới: Gắn kết văn hóa với chính trị và kinh tế

Trong thời kỳ mới, văn hóa phải thôi thúc con người tự nhận thức được trách nhiệm của mình và thực thi trách nhiệm đó một cách tốt nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động.

Cần phải làm cho văn hóa thấm vào mọi mặt của đời sống xã hội và vào từng con người; vào kinh tế với tư cách là văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp; vào tổ chức, quản trị và điều hành đất nước; vào lĩnh vực chính trị với tư cách là văn hóa chính trị.

2.2.6. Tập trung xây dựng và phát triển con người Việt Nam, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển.

Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

Nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển văn hóa, con người toàn diện và bền vững là xây dựng con người Việt Nam – chủ thể của nền văn hóa.

Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Trong xây dựng con người, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách, có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ.

Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, bền vững là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng
2. Trình bày quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người
3. Trình bày giải pháp phát triển kinh tế, xã hội của Đảng
4. Trình bày Giải pháp phát triển văn hóa, con người của Đảng
5. Để mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển đúng đắn và hiệu quả thì cần phải làm gì?
6. Vì sao phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ? để thực hiện điều đó Đảng ta đã có những chủ trương gì ?

BÀI 5

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

1.1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam (điều 17, khoản 1, hiến pháp 2013).

Người công dân tốt là người thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp và Pháp luật quy định:

- Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận, kiến nghị với cơ quan nhà nước các vấn đề chung của cơ sở, địa phương và cả nước; công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật; nghĩa vụ thiêng liêng của công dân là trung thành và bảo vệ tổ quốc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm, nơi làm việc, quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

- Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; quyền nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế, sáng tạo văn học, nghệ thuật; được hưởng lợi ích từ các hoạt động đó và chế độ chăm sóc sức khoẻ y tế; thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Công dân nam, nữ, bình đẳng về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Cha mẹ có trách nhiệm nuôi, dạy con thành người công dân tốt. Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ. Trẻ em được gia đình, xã hội và Nhà nước bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Thanh niên được tạo điều kiện học tập, lao động và giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đi đầu trong công cuộc lao động, sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

- Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

1.2. Người lao động tốt

Người lao động tốt là người công dân tốt đang ở độ tuổi lao động. Về độ tuổi lao động, thời gian lao động thì người lao động và chủ thể sử dụng lao động phải tuân thủ theo Bộ luật Lao động hiện hành.

Lao động là hoạt động sản xuất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội.

Thế nên, cần thực hiện các giải pháp nhằm phát triển lực lượng lao động như sau:

- Người lao động phải được đào tạo nghề, thuần thục các thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện, máy móc theo đúng kỹ thuật, nhằm tiết kiệm công sức, thời gian, kinh phí, tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường; kết quả tốt nghiệp trình độ đào tạo trung cấp nghề thể hiện qua văn bằng, chứng chỉ được cấp theo luật giáo dục nghề nghiệp. Đây cũng là một trong những cơ sở xác định vị trí việc làm, mức lương của người lao động.

- Người lao động cần xác định vị trí, việc làm phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo nhằm góp phần xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội nhằm thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Người lao động cần được bồi dưỡng, huấn luyện công nghệ, kỹ thuật mới để nâng trình độ tay nghề, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc độc lập là nhân tố quyết định tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng phục vụ nhu cầu xã hội. Đây cũng là cơ sở đo lường năng suất lao động, giá trị sức lao động nhằm định mức thu nhập cho người lao động.

- Người lao động cần được đào tạo về ngoại ngữ, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng ứng xử... để người lao động thích ứng với sự thay đổi, đáp ứng được tiêu chuẩn vị trí việc làm của khu vực để có thể thực hiện dịch chuyên lao động trên thị trường lao động các nước khu vực. Song song với những giải pháp phát triển năng lực cho người lao động thì người lao động cần rèn luyện phẩm chất đạo đức của mình

- Người lao động tốt là người chấp hành kỷ luật lao động. Cụ thể, là những quy định về việc tuân thủ thời gian, quy trình công nghệ và phối hợp trong tổ chức, bảo vệ tài sản và bí mật công nghệ, thể hiện trong nội quy lao động. Việc chấp hành tốt kỷ luật lao động là yêu cầu cơ bản, bản chất của người lao động trong thời đại mới. Nếu người lao động vô kỷ luật sẽ gây ảnh hưởng đến người lao động khác, đến tập thể trong tổ chức và xã hội; ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc gây ra những thiệt hại về vật chất, tài sản. .

- Người lao động tốt là người yêu nghề, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, say mê sáng tạo trong quá trình làm việc.

- Người lao động tốt là người tự chủ trong công việc, đoàn kết với tập thể và kiên trì với công việc.

Đây cũng chính là cấu trúc nhân cách của một con người, một người lao động tốt với đủ cả “đức” và “tài”.

2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

Dân tộc Việt Nam trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, sự gắn bó nhà, làng, nước đã hun đúc tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của mỗi người dân.

Hồ Chí Minh đã khẳng định “Trung với nước, hiếu với dân” là chuẩn mực đạo đức cách mạng quan trọng nhất quy định hành vi, ứng xử của cá nhân đối với cộng đồng. Ngày nay, thế hệ trẻ cần hiểu trung với nước là trung thành với sự nghiệp cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã chọn. Nhận thức rõ con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một tất yếu khách quan. vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

Hồ Chí Minh đã viết: “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được sánh vai các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công lao học tập của các cháu”. Thế nên, học sinh là người công dân tốt, người lao động tốt cần phải:

- Có động cơ học tập đúng đắn, đạt mục tiêu kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, có ý thức chấp hành kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế của tổ chức, hình thành tác phong công nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng toàn dân.

- Có lối sống lành mạnh, tự tin vào bản thân, vượt qua những khó khăn thử thách, những cám dỗ của các thế lực xấu.

- Nhận thức rõ đạo đức nghề nghiệp để thực hiện hành vi đúng, tôn trọng các giá trị đạo đức nhân văn. Hiếu kính đối với ông bà, cha mẹ; yêu thương, nhường nhịn anh em; nghiêm khắc với bản thân, hòa đồng với bạn bè; bảo vệ môi trường; chấp hành luật pháp....

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt.
2. Trình bày những nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt. Để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, cần học tập và rèn luyện như thế nào?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
3. Chỉ thị số 05- CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
4. Kết luận số 94- KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
5. Quyết định số 52/2008/QĐ- BGDDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.